

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PL  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/10/2019  
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Quang Khang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Phan Văn Chiếu,**

Ông **Danh Hưởng.**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Danh Văn An** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Lệ Th**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp PHT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (*có mặt*).

*Bị đơn:* Anh **Trần Th P**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp LH, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Th trình bày: Chị và anh Trần Th P kết hôn năm 2008, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân thị trấn PL cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/7/2009. Quá trình sống chung do chị và anh P có nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được nên vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 09/5/2019 đến nay. Hiện nay, nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh Trần Th P không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Th P.

Quá trình sống chung chị và anh P có 01 người con chung tên Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009, không có con riêng, không nuôi con nuôi. Hiện cháu Hân đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Gia Hân, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Hân, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung chị và anh P đã thỏa thuận giải quyết xong, chị và anh P không nợ ai nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

***Bị đơn anh Trần Th P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi lời khai của anh P.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trần Thị Lệ Th ly hôn với anh Trần Th P.

Về quan hệ con chung: Áp dụng Điều 81; 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009 cho chị Trần Thị Lệ Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Th P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Buộc anh P cấp dưỡng nuôi cháu Hân mỗi tháng 745.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Hân tròn 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Do chị Th xác định đã thỏa thuận được với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề xuất hướng giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Lệ Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Th P và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh P có hộ khẩu thường trú tại huyện PL nên căn cứ vào các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Trần Th P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, việc xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Lệ Th và anh Trần Th P là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, được ủy ban nhân dân thị trấn PL cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/7/2009. Do đó, hôn nhân giữa chị Th và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, hiện nay chị Trần Thị Lệ Th xác định chị không còn tình cảm với anh Trần Th P nên không thể kéo dài đời sống hôn nhân với anh P. Anh P đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh nhưng lại không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Th, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó cho thấy anh P cũng không có thiện chí, mong muốn hàn gắn đời sống hôn nhân với chị Trần Thị Lệ Th. Từ đó, cho thấy đời sống hôn nhân giữa chị Trần Thị Lệ Th và anh Trần Th P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lệ Th về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Th P.

[4] Về con chung: Khi ly hôn chị Trần Thị Lệ Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009. Xét thấy, theo biên bản lấy ý kiến ngày 29/5/2019 (BL 24) cháu Gia Hân có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Th. Trong khi anh Trần Th P không tranh chấp quyền được trực tiếp nuôi con chung với chị Trần Thị Lệ Th. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009 cho chị Trần Thị Lệ Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Th P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị Trần Thị Lệ Th, Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, chị Trần Thị Lệ Th là người trực tiếp nuôi cháu Trần Ngọc Gia Hân, yêu cầu anh Trần Th P cấp dưỡng nuôi cháu Hân là có căn cứ, được chấp nhận. Buộc anh Trần Th P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do nhà nước quy định là 745.000 đồng.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Lệ Th xác định đã thỏa thuận về tài sản với anh P xong, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Lệ Th, anh Trần Th P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Lệ Th được ly hôn với anh Trần Th P.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009 cho chị Trần Thị Lệ Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Th P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng:* Buộc anh Trần Th P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/9/2009 mỗi tháng là 745.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/10/2019) đến khi cháu Trần Ngọc Gia Hân tròn 18 tuổi.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong*

*tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. *Về quan hệ tài sản:* Chị Trần Thị Lệ Th xác định đã thỏa thuận về tài sản với anh P xong, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Lệ Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Chị Th đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014054 ngày 08/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển thu án phí. Anh Trần Th P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Th P vắng mặt thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Quang Khang**